

Đơn vị: Chi cục Kiểm lâm

Chương: 412, Loại 340, Khoản 341

PHỤ LỤC

CÔNG BỐ, CÔNG KHAI GIAO BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CCKL ngày /9/2024 của Chi cục Kiểm lâm)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Hạt kiểm lâm Sông Mã	Hạt kiểm lâm Thuận Châu	Hạt kiểm lâm Mộc Châu
1	2	3	4=5+6+...+10	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
I	Chi sự nghiệp.....						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí		-				
-	Phí chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp						
-	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình lâm sinh						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.291.232.200	1.291.232.200	235.597.700	273.818.000	508.999.000	272.817.500
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.291.232.200	1.291.232.200	235.597.700	273.818.000	508.999.000	272.817.500
1	Chi quản lý hành chính	1.291.232.200	1.291.232.200	235.597.700	273.818.000	508.999.000	272.817.500
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (kinh phí tính giản biên chế)	1.291.232.200	1.291.232.200	235.597.700	273.818.000	508.999.000	272.817.500
1.3	Kinh phí tiết kiệm chi						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Hạt kiểm lâm Sông Mã	Hạt kiểm lâm Thuận Châu	Hạt kiểm lâm Mộc Châu
1	2	3	4=5+6+...+10	5	6	7	8
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024						
II	Nguồn vốn viện trợ						
1	Chi quản lý hành chính						
1.1	Dự án A						
1.2	Dự án B						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
2.1	Dự án A						
2.2	Dự án B						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Dự án A						
3.2	Dự án B						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Dự án A						
4.2	Dự án B						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Dự án A						
2.2	Dự án B						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Dự án A						
6.2	Dự án B						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Dự án A						
7.2	Dự án B						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Dự án A						
8.2	Dự án B						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Dự án A						
9.2	Dự án B						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Dự án A						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Hạt kiểm lâm Sông Mã	Hạt kiểm lâm Thuận Châu	Hạt kiểm lâm Mộc Châu
1	2	3	4=5+6+...+10	5	6	7	8
10.2	Dự án B						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						
1	Chi quản lý hành chính						
1.1	Dự án A						
1.2	Dự án B						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
2.1	Dự án A						
2.2	Dự án B						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Dự án A						
3.2	Dự án B						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Dự án A						
4.2	Dự án B						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Dự án A						
2.2	Dự án B						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Dự án A						
6.2	Dự án B						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Dự án A						
7.2	Dự án B						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Dự án A						
8.2	Dự án B						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Dự án A						
9.2	Dự án B						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Dự án A						
10.2	Dự án B						